



THỊNH TRƯỜNG PHÁT

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 07698/2025/PKQ(25.5379)

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG – XUÂN TRƯỜNG
- Địa chỉ : Thôn Tây, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Địa điểm lấy mẫu : Thôn Tây, xã Xuân Phúc, huyện Xuân trường, tỉnh Nam Định.
- Ngày lấy mẫu : 17/10/2025
- Ngày trả kết quả : 27/10/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	NT171025-005	NT	Mẫu nước đầu ra tại hố ga lấy mẫu (sau trạm xử lý nước thải tập trung) (2240712; 588771)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	
				NT	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A, Cmax
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,18	6 ÷ 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (MDL = 1,3)	29,7
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2023	3,13	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	24	49,5
5	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 1,3)	4,95
6	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL = 0,02)	0,198
7	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1,08	4,95
8	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	5,88	19,8
9	Tổng P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,15	3,96
10	Clo dư ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-CI:2023	0,04	0,99
11	Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	1,1 x 10 ³	3.000

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột A, Cmax: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Cmax: (Kq=0,9 và Kf=1,1)

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Mai Hoàng Anh



Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

